TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/DS-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Nga;

2. Bà Lâm Ngọc Minh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T; Trụ sở: 26 – 28 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: 107 đường Lò Gốm, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 614/2023/UQ – TGĐ ngày 28/3/2023) – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt xét xử;

Bị đơn: Bà Lê Diễm M, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: 10 đường Ông Ích Khiêm, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2022, Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 17/9/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (Gọi tắt là Ngân hàng SC) và bà Lê Diễm M có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 9077122 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng,

Ngân hàng SC đã cấp thẻ tín dụng cho bà M với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,6%/tháng (lãi suất được Ngân hàng công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ), mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.840.769 đồng, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.898.335 đồng nhưng sau đó bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Sau nhiều lần Ngân hàng SC thông báo nhắc nhở, nhưng bà M vẫn không thiện chí thanh toán nên vào 23/12/2021, Ngân hàng SC đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng SC yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M thanh toán khoản tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 51.331.711 đồng, trong đó nợ gốc là 29.135.789 đồng, lãi quá hạn là 22.195.922 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/8/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà M trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng SC.

Ngày 15/9/2023, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và cung cấp bản tự khai, bảng kê chi tiết tính lãi đề ngày 15/9/2023, Ngân hàng SC vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2023 là 53.074.053 đồng, trong đó nợ gốc là 29.135.789 đồng, lãi quá hạn là 23.938.264 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 16/9/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà M trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng SC.

* *Đối với bị đơn bà Lê Diễm M*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng SC. Tòa án nhân dân Quận 11 đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tại Tòa án nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SC về việc buộc bà Lê Diễm M phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2023 là 53.074.053 đồng, trong đó nợ gốc là 29.135.789 đồng, lãi quá

hạn là 23.938.264 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/9/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà My trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng SC.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng SC và bà Lê Diễm M là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Lê Diễm M có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 10 đường Ông Ích Khiêm, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

* *Về người tham gia tố tụng:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn bà Lê Diễm M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Nguyên đơn đã nộp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 9077122 ngày 17/9/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SC, tài liệu chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 9077122 ngày 17/9/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 9077122 ngày 17/9/2019, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng SC

và bà Lê Diễm M ký kết thể hiện sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 400 và Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Xét, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 9077122 ngày 17/9/2019, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng SC đã cấp thẻ tín dụng số 472075_2775 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, theo bản tóm tắt sao kê giao dịch thẻ tín dụng thì bà Lê Diễm M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.840.769 đồng, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.898.335 đồng nhưng sau đó bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/12/2021, Ngân hàng SC đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu và xuất trình tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận, phù hợp với Điều 13 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ lãi tính đến ngày 15/9/2023 là 23.938.264 đồng và kể từ ngày 16/9/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà M trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Diễm M phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2023 là 53.074.053 (Năm mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 29.135.789 (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 23.938.264 (Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bốn) đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/9/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà M trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Diễm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.653.703 (Hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.167.768 (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi tám) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T theo biên lai thu số AA/2021/0021060 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 385, Điều 400, Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T về việc yêu cầu bà Lê Diễm M trả nợ.

Buộc bà Lê Diễm M phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/9/2023 là 53.074.053 (Năm mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 29.135.789 (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 23.938.264 (Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bốn) đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 16/9/2023, bà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phạt chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các thỏa thuận đã ký kết (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi bà M trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Diễm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.653.703 (Hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.167.768 (Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi tám) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T theo biên lai thu số AA/2021/0021060 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thupận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Vũ Vân